



CHÙA VIỆT NAM

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TỪ THỜI BẮC THUỘC ĐẾN THỜI PHÁP THUỘC

THS.KTS PHẠM THỊ TỐ QUỲNH, THS NGUYỄN THỊ CHUNG HIẾU,
THS PHAN THỊ CẨM TRANG | TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

Tóm tắt

Giữ gìn bản sắc dân tộc là một vấn đề lớn và vô cùng cần thiết trong nền văn hóa nói chung và trong lĩnh vực kiến trúc nói riêng. Chiếm một khối lượng lớn trong kho tàng tinh hoa truyền thống của dân tộc ta là các kiến trúc truyền thống và dân gian, tiêu biểu là các kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng như kiến trúc đình, chùa, miếu, nhà thờ... Trong số các kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng truyền thống đó, kiến trúc chùa có vai trò, vị trí quan trọng, biểu hiện nét đặc trưng của kiến trúc văn hóa truyền thống, thể hiện bản sắc dân tộc Việt Nam. Bài báo đem lại cái nhìn hệ thống về sự hình thành và phát triển của chùa Việt Nam, làm cơ sở cho việc kế thừa và phát huy giá trị kiến trúc truyền thống, Góp phần xác định một cách đúng đắn con đường tìm tòi và sáng tạo để nền kiến trúc Việt Nam phát triển hiện đại, bản sắc.

Abstract

Preserving national identity is a big and necessary issue in the culture in general and in the field of architecture in particular. Occupying a large volume in the treasure of traditional quintessence of our nation are traditional and folk architectures, typically religious and belief architectures such as communal houses, pagodas, temples, churches, etc. Among those traditional religious and religious architectures, pagoda architecture has an important role and position, expressing the characteristics of traditional cultural architecture, expressing the national identity of Vietnam. The article provides a systematic view on the formation and development of Vietnamese pagodas, serves as a basis for inheriting and promoting traditional architectural values, contributing to correctly identifying the path of discovery and development. creatively so that Vietnamese architecture develops modernity and identity.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một quốc gia nằm giữa Đông Nam Á. Từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, đất nước ta và các nước láng giềng không bị ngăn cách đứt đoạn. Chính vì vậy Việt Nam là nơi sinh trưởng, gặp gỡ giữa nhiều cộng đồng tộc người và của các luồng giao lưu kinh tế, văn hóa từ phía Malaysia lên, trên Trung Hoa

xuống, và từ ngã Ấn Độ sang. Với vị trí địa lý như vậy, kiến trúc Việt Nam cũng nằm trong khung cảnh ảnh hưởng đó, đặc biệt là các công trình kiến trúc Phật giáo.

Với điều kiện khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều và có gió mùa, nghề trồng lúa nước xuất hiện rất sớm ở Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Vai trò của thiên nhiên đối với đời sống các cư dân Đông Nam Á là rất lớn. Để làm nông nghiệp

tốt, họ phải định cư, phải hợp tác với nhau cùng làm thủy lợi, nhưng nhiều khi thiên tai như hạn hán, lũ lụt... cướp trắng đi tất cả công sức của nhiều tháng ngày lao động vất vả. Chính vì vậy, trước khi văn hóa và các tôn giáo Ấn Độ du nhập, các dân tộc ở Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng đã có tín ngưỡng riêng của mình, họ thờ các thần thiên nhiên như thần núi, thần nước, thổ địa...

Nền văn hóa Phật Giáo bình đẳng, không phân biệt đẳng cấp và chủng tộc, dân tộc, cho nên Đạo Phật du nhập vào quốc gia và dân tộc nào cũng dễ dàng thích ứng với phong tục tập quán và hoàn cảnh lịch sử, chính trị của quốc gia và dân tộc đó. Những đặc tính ưu việt này của Phật Giáo lại càng được tăng cường thêm với sự xuất hiện của tư trào Đại Thừa Giáo vào khoảng thế kỷ thứ 2 TCN.

Đạo Phật du nhập vào Việt Nam theo nhiều hướng, nhiều thời điểm và nhiều tông phái khác nhau do vậy đã để lại dấu ấn khác nhau trong các giai đoạn phát triển của Phật Giáo Việt Nam.

Nhờ có vị trí địa lý, kinh tế và chính trị quan trọng nên ngay trong các thế kỷ đầu công nguyên, Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh) đã trở thành một trung tâm Phật Giáo lớn. Khi trả lời Tùy Văn Đế về tình hình Phật Giáo Giao Châu, nhà sư Đàm Thiên đã nói rằng: "Xứ Giao Châu có đường thông thoáng sang Thiên Trúc, Phật

Giáo truyền vào Trung Hoa chưa phổ cập đến Giang Đông mà xứ ấy đã xây ở Luy Lâu hơn 20 bảo tháp, độ được hơn 500 vị tăng và dịch được 15 bộ kinh rồi. Thế là xứ ấy theo Đạo Phật trước ta." (trích Thiên Uyển Tập Anh Ngữ Lục)

Phật Giáo Luy Lâu có những nét tương tự như tín ngưỡng dân gian của cư dân nông nghiệp. Thời đó Phật được quan niệm như một ông thần có ở khắp mọi nơi, có thể biết được mọi nỗi suy tư và hành vi của con người, có thể cứu giúp người tốt và trừng trị kẻ xấu, đồng thời Phật cũng được quan niệm như một vị thần linh có nhiều phép lạ, có thể biến các hiện tượng tự nhiên quanh con người thành các vị thần thánh, các vật linh thiêng mang phúc trừ họa.

Từ Luy Lâu, Phật giáo lan truyền ra khắp đồng bằng sông Hồng, sông Mã, sông Cả. Hình tượng Chùa Tứ pháp của Luy Lâu đã phổ cập ra nhiều vùng của đất nước, Phật giáo Luy Lâu gắn liền với tín

ngưỡng dân gian, được dân gian hóa và phong tục hóa. Nó thể hiện tâm lý, lòng mong muốn và thế giới quan của người dân trồng lúa nước.

THỜI KỲ BẮC THUỘC - NHÀ TÙY - NHÀ ĐƯỜNG (THẾ KỶ VI-IX)

Chính trị - Xã hội

Đời sống nhân dân vô cùng cực khổ và họ đã tìm thấy ở Phật giáo những khát vọng về mưa gió thuận hòa giúp nông nghiệp được mùa, khát vọng về lòng từ bi bác ái vô lượng, vô biên để yêu thương đùm bọc, trên cơ sở đó mà tập hợp nhân dân nổi dậy giành độc lập.

Tư tưởng

Dưới thời Bắc thuộc, Nho giáo chưa phát triển đầy đủ, Phật giáo có vị trí vai trò trong đời sống xã hội và chính trị, nó được coi như là công cụ tinh thần để xây dựng và quản lý đất nước.

Chùa Một Cột được xây dựng vào năm 1049, đời vua Lý Thái Tông





Tháp Bình Sơn là ngọn tháp tiêu biểu cho kiến trúc chùa tháp thời Trần

Trong thời Tùy (581-618), thời Đường (618-907), hai thiên phái lớn của Trung Quốc: Tì Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông đã du nhập vào Việt Nam.

Phật giáo ngày càng lớn và điều tất yếu là chùa tháp được xây dựng không chỉ tập trung ở các trung tâm lưu vực sông Hồng như Luy Lâu, Đại La mà còn có mặt ở những vùng xa phía nam như Nhật Nam.

THỜI NGÔ, ĐÌNH, TIỀN LÊ (THẾ KỶ X)

Chính trị - Xã hội

Từ triều Ngô (939-965) nước ta đã bước vào thời kỳ tự chủ. Trong hoàn cảnh vừa thoát

khỏi thời kì Bắc thuộc, các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê đều cố gắng xây dựng chính quyền trung ương, tập trung lực lượng quân sự để bảo vệ chính quyền độc lập và để dẹp các thế lực cát cứ, còn việc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa mới chỉ bước đầu.

Tư tưởng

Nói đến Phật giáo thời kỳ này không thể không nhắc đến Khuông Việt Đại Sư Ngô Chấn Lưu (933-1011) - nhà sư có thế lực thuộc phái thiên Vô Ngôn Thông đã mở mang chùa Khai Quốc ở Đại La và biến nơi này thành một nhà trường đào tạo "tăng sĩ".

Phật giáo vẫn tiếp tục phát triển ở các trung tâm đã có từ trước và còn phát triển thêm ở Hoa Lư với loại hình chùa Nhất Trụ (Một Cột): trước chùa có một cột đá, tám mặt khắc kinh Phật.

THỜI LÝ (THẾ KỶ XI-XIII)

Chính trị - Xã hội

Thấm thía những đau khổ của những năm Bắc thuộc, rút kinh nghiệm những thành công và thất bại của các triều Ngô, Đinh, và Tiền Lê, nhà Lý muốn thoát ly nhanh những ảnh hưởng của phương Bắc, có hoài bão xây dựng một quốc gia độc lập, vững chắc.

Nhìn chung trong lịch sử Việt Nam, thời Lý là một thời kỳ lịch sử ổn định và phát triển khá lâu dài. Hệ thống chính quyền từ Trung ương đến địa phương được xây dựng hoàn chỉnh và củng cố vững chắc, các hoạt động lập pháp được tăng cường. Nhà Lý đặc biệt chú trọng đến chính sách khuyến nông giúp cho nông nghiệp phát triển, nông dân liên tiếp được mùa. Nhiều ngành nghề thủ công phát triển, giao lưu buôn bán trong nước và ngoài nước được đẩy mạnh. Các cuộc ngoại xâm, nổi loạn đều bị đập tan. Văn hóa Lý - một nền văn hóa thấm đượm bản sắc dân tộc, có điều kiện tốt để hưng thịnh.

Tư tưởng

Ngoài hai phái Thiên Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông đã có từ trước, thời Lý còn xuất hiện thêm phái Thảo Đường vào khoảng năm 1069 do nhà sư Thảo Đường người Trung Quốc lập nên.

Được sự ủng hộ của vua chúa quý tộc, quan niệm Phật giáo thời Lý có một vị trí to lớn trong đời sống xã hội. Ảnh hưởng của Phật giáo lan rộng khắp mọi miền đất nước. Năm 1010 vừa mới dời đô ra Thăng long, Lý Thái Tổ đã cho xây dựng một loạt chùa ở đây. Ngoài Thăng Long, chùa chiền còn được xây dựng khắp nơi, tận cả những vùng xa, miền núi như chùa Bảo Ninh, Sùng Phúc (tỉnh Tuyên Quang).

THỜI TRẦN (THẾ KỶ XIII-XIV)

Chính trị - Xã hội

Nhà Trần đã khôi phục hệ thống chính quyền tập trung thống nhất từ trung ương tới địa phương. Xã hội thời Trần tiếp tục phát triển cả kinh tế lẫn văn hóa. Kinh tế hàng hóa và việc buôn bán với nước ngoài có phần phát triển hơn thời Lý. Sức mạnh của đất nước còn được thể hiện qua ba cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông, nâng cao tinh thần tự lực, tự cường dân tộc. Do vậy các hình thức nghệ thuật trong đó có kiến trúc, điêu khắc có bước đi mới trong lịch sử nghệ thuật dân tộc. Thêm nữa, xã hội phong kiến thời Trần nặng nề về quan hệ địa chủ với tá điền nên nông thôn có làng xóm dày đặc hơn, độc lập hơn và phần nào có tính “tự trị”.

Tư tưởng

Cùng với việc thi cử, tuyển chọn quan lại, đáp ứng nhu cầu của việc trị nước, Nho giáo dần dần chiếm được vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần cũng như trong tổ chức xã hội. Nhưng Phật giáo thời Trần cho đến giữa thế kỷ XIV vẫn phát triển mạnh như thời Lý, và phát triển trong sự dung hòa với Nho giáo. Phật giáo thời này có nhiều phái nhưng đáng chú ý hơn cả là phái Trúc Lâm Tam Tổ. Phái này do Vua Trần Nhân Tông sáng lập và sau đó các “Tổ” Pháp Loa, Huyền Quang kế tục.

Khoảng giữa thế kỷ XIV Phật giáo bắt đầu suy thoái và đến cuối thế kỷ này thời kỳ huy hoàng của Phật giáo mới thực sự kết thúc.

Bên cạnh các chùa được xây dựng bằng sự tài trợ của tầng lớp quý tộc, còn có nhiều chùa làng, làng lớn có đến mười chùa, làng nhỏ có chừng năm sáu chùa.

Theo các tài liệu thì chùa tháp thời Trần được phân bố rộng rãi khắp mọi miền đất nước, có phần rộng lớn hơn cả thời Lý. Có những công trình ở tận cực Nam như chùa Hương Tích ở núi Hồng Lĩnh (Can Lộc, Nghệ An), có công trình ở cực Tây như chùa Hang (Hoàng Liên Sơn), tháp Bình Sơn (Lập Thạch, Vĩnh Phú). Và nhiều hơn cả là các công trình được xây ven triền sông của vùng đồng bằng trù phú: Bối Khê (Thanh Oai, Hà Sơn Bình), chùa Hào Xá

(Thanh Hà, Hải Hưng), chùa Thái Lạc (Văn Lâm, Hải Hưng), chùa Phổ Minh, các chùa ở núi Yên Tử (Đông Hưng, Quảng Ninh)...

Có những khu vực thời Lý còn hoang sơ, thời này mới mở mang phát triển thành một trung tâm của Phật giáo như khu các chùa tháp ở núi Yên Tử. Tại đây một hệ thống các công trình kiến trúc Phật giáo đồ sộ đã được xây dựng do nhiều nhà sư trông coi, đứng đầu là các sư của phái Trúc Lâm Tam Tổ.

THỜI HẬU LÊ ĐẾN THỜI TÂY SƠN (THẾ KỶ XV-XVIII)

Thời Lê Sơ, Mạc

Chính trị, xã hội

Có những chính sách để nâng cao sản xuất, đưa nền kinh tế nông nghiệp phát triển, làm cơ sở vững chắc cho sự phát triển chung của xã hội. Là chỗ dựa cơ bản cho sự phát triển kinh tế nước ta thời bấy giờ.

Tư tưởng

Thời Lê Sơ (thế kỷ XV): vai trò của nho sĩ đã được coi trọng, Nho giáo trở thành độc tôn còn Phật giáo và Đạo giáo tuy vẫn tồn tại nhưng đã bị sa sút nhiều. Đạo Phật bị triều đình coi nhẹ, nhiều luật lệ nghiêm ngặt được ban hành để hạn chế sự phát triển của Phật giáo và Đạo giáo, bởi vậy mà việc xây chùa tạc tượng không được phát triển.

Tới thế kỷ XVI, dưới thời Mạc, nông nghiệp và thương nghiệp đều phát triển, ý thức hệ Nho giáo bị ảnh hưởng trầm trọng, điều kiện lịch sử đó đã giúp cho nhiều ngôi chùa được phục hồi, tu tạo như Chùa Thấy, Chùa Bút Tháp, Chùa Trăm Gian...

Thời Lê Trung Hưng

Chính trị - xã hội

Trịnh - Nguyễn phân tranh khắp nước, nhân dân nổi lên chống chế độ áp bức. Trong triều, việc phế lập vua chúa thành chuyện thường xuyên. Nhân dân vô cùng khổ sở, không ai dám chắc được tương lai của mình, bất lực trước thời cuộc, nhiều người quay lại tin tưởng thần quyền - Phật giáo được sùng tín trở lại.

Tư tưởng

Với sự thâm nhập của phái thiền Tào Động và Lâm Tế từ Trung Quốc, nhiều ngôi chùa được trùng tu, xây mới như Chùa Bút Tháp (Hà Bắc), Chùa Keo (Thái Bình và Nam Hà), Chùa Mía (Hà Tây).

Đầu thế kỷ XVII chùa tháp được xây dựng với quy mô lớn và tốc độ ào ạt ở Đàng ngoài. Phần lớn các công trình này đều được sự bảo trợ của chúa Trịnh hay các vương phủ trong phủ chúa. Một điều đáng chú ý là thế kỷ XVII có chùa nước, chùa làng và chùa tư của gia đình. Sang thế kỷ XVIII việc xây dựng và trùng tu chùa chiền ở Đàng ngoài vẫn được chúa Trịnh đẩy mạnh. Ở Đàng trong chúa Nguyễn rất sùng bái Đạo Phật nên chùa chiền đã được xây dựng và lan rộng đến tận lưu vực sông Cửu Long. Nhưng công việc xây chùa chiền của chúa Trịnh bị dừng lại khoảng năm 1740 khi phong trào nông dân nổi dậy lan rộng.

Thời Tây Sơn

Chính trị - xã hội

Xã hội trở nên ổn định hơn, ngôi chùa cũng dần dần bước vào phát triển bình thường.

Tư tưởng

Nhiều nhà Nho đã tìm đến Phật Giáo, Ngô Thì Nhậm tự nhận là tổ thứ 4 của thiền phái Trúc Lâm, và người em rể của ông là Phan Huy Ích cũng rất sùng bái Phật pháp.

Trong tình hình như vậy, dưới triều Tây Sơn, sự tham gia ít nhiều của những tầng lớp trí thức tân triều đã để lại cho chúng ta hai ngôi chùa điển hình là Chùa Kim Liên và Chùa Tây Phương.

THỜI NGUYỄN (THẾ KỶ XIX)

Về tinh thần, ít nhiều Đạo Phật thời kỳ này được triều đình ủng hộ, các chính sách buổi ban đầu chưa thật khắt khe lắm. Do vậy đình chùa khoảng đầu thế kỷ đã được làm lại khá khang trang, nhất là các chốn Tổ (nơi tụ họp của các nhà sư trong dịp kết hạ) như Chùa Đức La (chốn tổ gốc của thiền phái Trúc Lâm ở Yên Dũng, Hà Bắc), Chùa Thiên Mục ở Huế và nhiều chùa khác. Ngoài một số chùa được bảo trợ của triều

đình còn đa số các chùa khác được làm lại với đóng góp của nhân dân.

Và dưới triều Nguyễn, chùa chiền phát triển thành một hệ thống gồm nhiều loại: lớn đi liền với nhỏ, mới đi liền với cũ, chùa nhà đi liền với chùa làng, chùa nước. Một hệ thống chùa tháp được trùng tu, xây mới. Đặc biệt ở kinh đô Huế - nơi tập trung nhân lực và tài lực của cả nước, chùa tháp được tu sửa, xây mới rất đồ sộ và tráng lệ.

Trong Nam bộ, vùng đất mới này nổi tiếng sùng bái Phật, chùa tháp mọc lên hàng loạt. Người các nơi đến đây khai phá đất đai, họ dựng chùa để cầu an, cầu phúc, để gần nhau, giúp đỡ nhau trong việc làm ăn sinh sống.

Ở ngoài Bắc một loạt chùa được phục chế và tu sửa như Chùa Dâu, Bút Tháp, Phật Tích, Vĩnh Nghiêm, Keo, Sài Sơn, Tây Phương...

THỜI PHÁP THUỘC (NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX - NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX)

Giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX là lúc đất nước mất dần về tay thực dân Pháp và cuối cùng trở thành một thuộc địa của Pháp. Với người dân, mất nước là mất độc lập, tự do, mất quyền sống, quyền sáng tạo mọi giá trị. Chính vì vậy ở giai đoạn này khuynh hướng nhập thế của Phật giáo có khác đi, Phật giáo đã ở vào thứ yếu thậm chí còn bị đả kích. Lúc này đạo và đời đã tách biệt nhau, ở mỗi một người từ đời đến với đạo hay từ đạo trở lại đời là cả một chặng đường khó khăn. Thêm vào đó sự thống trị của Pháp đã tạo điều kiện cho Thiên Chúa giáo phát triển ngày càng mạnh và thay thế các tôn giáo bản địa.

Vai trò của nhiều chùa trong nước lúc bấy giờ, một mặt vẫn là trung tâm tín ngưỡng và hoạt động tinh thần ở các làng quê, nơi tụ hội và trình diễn các tài năng chốn dân dã, nơi cứu độ và an ủi những người hoạn nạn nhưng mặt khác, chùa còn là nơi ẩn náu và đợi thời, nơi hội họp của những người yêu nước, nơi cất giấu các tài liệu bí mật và chuẩn bị cho những cuộc nổi dậy.

KẾT LUẬN

Với chung một điều kiện khí hậu, phương thức sản xuất lúa nước, Việt Nam cũng



Chùa Thiên Mụ được mệnh danh “Đệ nhất cổ tự” được xây dựng vào đời chúa Nguyễn Hoàng

như các nước khác trong Đông Nam Á, trước khi tôn giáo Ấn Độ, Trung Hoa du nhập vào, đã có tín ngưỡng riêng.

Đạo Phật từ Tây vực Ấn Độ đã du nhập vào Việt Nam cho đến nay đã hơn 2000 năm, phát triển trong sự dung hòa với phong tục tập quán của Việt Nam. Trong bước đầu phát triển, Đạo Phật đã kết hợp với tín ngưỡng dân gian, và được thể hiện thông qua hệ thống chùa tứ pháp: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện.

Bước đi của ngôi chùa Việt gắn liền với sự du nhập và phát triển của Đạo Phật. Các yếu tố chính trị, xã hội, các hướng du nhập khác nhau và các tông phái khác nhau đã có ảnh hưởng sâu sắc tới sự hình thành và phát triển của ngôi chùa Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Lâm Biền, Chùa Việt, NXB VH-TT 1996
2. Nguyễn Phi Hoàng, Lược sử Mỹ thuật Việt Nam, NXB KHXH 1970
3. Hoàng Đạo Kinh, Bảo tồn và tu bổ di tích, TCNCVH-NT 2/1991
4. Nguyễn Đình Lễ, Đất nước chùa vàng, NXB Giáo dục 1988
5. Vũ Tam Lang, Kiến trúc cổ Việt Nam, NXB Xây dựng 1998
6. Nguyễn Bá Lăng, Kiến trúc Phật giáo Việt Nam, Viện ĐH Vạn Hạnh 1972
7. Nguyễn Đức Nùng, Mỹ thuật thời Lý, NXB Văn hóa 1973
8. Nguyễn Đức Nùng, Mỹ thuật thời Trần, NXB Văn hóa 1977
9. Nguyễn Đức Nùng, Mỹ thuật thời Lê Sơ, NXB Văn hóa 1978
10. Nguyễn Đức Thiêm, Góp phần tìm hiểu bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam, NXB Xây dựng 2000
11. Hà Văn Tấn, Chùa Việt Nam, NXB TPHCM 1993
12. Chu Quang Trứ, Mỹ thuật Lý- Trần-Mỹ thuật Phật giáo, NXB Thuận Hóa 1997
13. Chu Quang Trứ, Lược sử mỹ thuật và mỹ thuật học, NXB Giáo dục 1998
14. Nguyễn Tài Thu, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, NXB Khoa học Xã hội 1988
15. Trần Quốc Vương, Cơ sở Văn Hóa Việt Nam, NXB Giáo dục 1999